

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/6/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Bà Lê Thị Ký

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Quang Hoạch và bà Đào Thị Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 30/6/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2020/TLST- HNGĐ ngày 04/3/2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh T, sinh năm 1972.**

Địa chỉ: 47/3, ấp L, xã T, huyện Tom, tỉnh Đồng Nai;

**Bị đơn: Ông Võ Văn L, sinh năm 1966.**

Địa chỉ: 47/3, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai;

(bà T xin vắng mặt; ông L vắng mặt không rõ lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai bà Võ Thị Thanh T trình bày:

Bà và ông Võ Văn L kết hôn năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung, không còn quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin ly hôn ông Võ Văn L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Võ Văn V, sinh ngày 31/8/1995 và

Võ Thị Thanh H, sinh ngày 01/02/1999. Ly hôn, bà không yêu cầu giải quyết về con chung do cháu V và cháu H đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

**Bị đơn ông Võ Văn L vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng và không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ, Hội đồng xét xử đúng quy định bảo đảm quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà T. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Bà T khai không có. Bà T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Võ Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông L kết hôn năm 1993, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T (nay là xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai), hôn nhân tự nguyện nên được coi là hôn nhân hợp pháp. Nay bà T xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về nội dung: Bà T trình bày, từ khi kết hôn, vợ chồng mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm, không quan tâm đến nhau, không có tiếng nói chung, cuộc sống không hạnh phúc kéo dài không thể giải quyết được. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà cương quyết xin ly hôn. Tại biên bản xác minh, mặc dù địa phương không rõ vợ chồng bà T, ông L có mâu thuẫn hay không nhưng qua lời khai của của bà T và việc ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chứng tỏ ông L không quan tâm đến quan hệ hôn nhân và không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng, do đó hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T, ông L 02 con chung tên là Võ Văn V, sinh ngày 31/8/1995 và Võ Thị Thanh H, sinh ngày 01/02/1999. Do các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do không có lời khai của ông L về tài sản chung và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh T phải nộp 300.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007019 ngày 26/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Thanh T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Thanh T được ly hôn ông Võ Văn L.

Về con chung: Bà T, ông L 02 con chung tên là Võ Văn V, sinh ngày 31/8/1995 và Võ Thị Thanh H, sinh ngày 01/02/1999. Do các cháu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do không có lời khai của ông L về tài sản chung và nợ chung nên cần tách ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Thanh T phải nộp 300.000đ án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007019 ngày 26/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

Bà T, ông L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

#### *Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai ;
- VKSND huyện; tỉnh;
- Chi cục THA DS cùng cấp;
- UBND xã Đ (số 78 ngày 12/12/1993).
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Ký**